

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **10/2023/HS-ST**
Ngày 15 tháng 02 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTTH

Các hội thẩm nhân dân: Ông LNB và ông NVT

Thư ký phiên tòa: Bà PTS - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Bà VTL -
Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu T tâm phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 13/01/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HS ngày 04/02/2023, đối với bị cáo: **NVS**, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: Thôn VS, xã ĐP, huyện YD, tỉnh BG.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 06/12; con ông NVT (đã chết) và bà LTT, sinh 1950; vợ là NTP, sinh năm 1986 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự, nhân thân: không có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Bà TTC, sinh năm 19xx *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn VS, xã ĐP, huyện YD, tỉnh BG.

- Anh NVC, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn VS, xã ĐP, huyện YD, tỉnh BG.

**** Người chứng kiến:***

- Ông NVV, sinh năm 1965 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đk, xã TM, huyện YD, tỉnh BG.

- Ông Nguyễn Đức Thịnh, sinh năm 1956 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn T, xã ĐV, huyện YD, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do bị nghiện ma túy và biết ở khu vực Cầu sắt thuộc phường MĐ, thành phố BG, tỉnh BG có đối tượng bán ma túy. Khoảng 08 giờ ngày 25/11/2022, S một mình đi xe ôm của người không quen biết từ xã ĐP, huyện YD, tỉnh BG lên thành phố BG để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến đoạn đường khu vực Cầu sắt phường MĐ, thành phố BG, S xuống xe đi bộ một đoạn thì gặp một thanh niên không quen biết đứng ở bờ đường. Biết người thanh niên này bán ma túy, S đến gần và hỏi người thanh niên đó là “có ma túy bán không” thì người này trả lời “có”, S bảo bán cho 500.000 đồng, rồi lấy tiền đưa cho người thanh niên. Người thanh niên nhận tiền rồi đưa cho S 01 gói giấy có dòng kẻ loại giấy vở học sinh, bên trong gói giấy đựng 04 gói ma túy loại Heroine và 04 gói giấy, bên trong mỗi gói đựng ma túy tổng hợp. S cầm gói ma túy mua được cất giấu vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi đi xe ôm của một người không quen biết về nhà. Khi về đến nhà, S lấy gói giấy đựng số ma túy trên cất giấu vào trong vỏ bao thuốc lá “Sài Gòn” giấu vào túi quần đang mặc rồi đi bộ sang nhà hàng xóm là nhà bà TTC hỏi mượn chiếc xe đạp nhãn hiệu Asama màu S xám-đỏ-đen của con trai bà Cạ là anh NVC đi giải quyết công việc cá nhân. Sau khi mượn được xe, S đi xe đạp về nhà mình rồi lấy bao thuốc lá Sài Gòn bên trong đựng ma túy cất giấu vào phần tiếp giáp giữa dây phanh xe và khung dưới của xe đạp rồi điều khiển xe đi xuống xã ĐV để tìm chỗ sử dụng ma túy. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi S đi đến khu vực cổng nghĩa trang thôn Kim T, xã ĐV, huyện YD, tỉnh BG thì bị phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Tang vật thu giữ gồm: 01 vỏ bao thuốc lá “Sài Gòn” màu trắng bạc bên trong chứa 01 gói giấy loại giấy vở học sinh, bên trong gói giấy này chứa 04 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc, bên trong các gói giấy bạc đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy và 04 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc, bên trong đều chứa mảnh viên nén màu hồng đỏ nghi là ma túy (thu giữ tại phần tiếp giáp giữa dây phanh xe và khung dưới của xe đạp nhãn hiệu Asama màu S xám-đỏ-đen); 01 xe đạp nhãn hiệu Asama màu S xám-đỏ-đen; 01 điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đỏ; 01 ví da màu đen bên trong đựng 01 thẻ căn cước công dân số 001083053022 mang tên NVS.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của S ở thôn VS, xã ĐP, YD, tỉnh BG nhưng không thu giữ gì.

Kết luận giám định số 2170/KL-KTHS ngày 28/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BG kết luận: “Trong 01 phong bì ký hiệu “QT”, đã được niêm phong gửi giám định trong một gói giấy màu trắng có kẻ ôly (loại giấy vở học sinh); chất cục bột màu trắng đựng trong 04 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc là ma túy có tổng khối lượng 0,157 gam, loại Heroin; các mẫu mảnh viên nén đựng

trong 04 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc là ma túy, có tổng khối lượng 0,143 gam loại Methamphetamine”.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì thư ký hiệu “QT” dán kín, niêm phong hoàn lại sau giám định; 01 điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 7 plus; 01 vỏ bao thuốc lá Sài Gòn; 01 ví da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân số 001083053022 mang tên NVS được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, NVS đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 11/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố NVS về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo S đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo NVS từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2022, miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo; Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư ký hiệu “QT” dán kín, niêm phong hoàn lại sau giám định và 01 vỏ bao thuốc lá Sài Gòn, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 7 plus, 01 ví da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân số 001083053022 mang tên NVS; Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 40 phút ngày 25/11/2022, tại cổng nghĩa trang thôn Kim T, xã ĐV, huyện YD, tỉnh BG, NVS đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,157 gam ma túy loại Heroin và 0,143 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YD phối hợp với Công an xã TM, Công an xã ĐV phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ.

[4] Khi quyết định về tội danh, hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy mà còn bởi ma túy là chất gây nghiện làm băng hoại sức khỏe của con người, là hiểm họa của đại dịch HIV và là nguồn gốc dẫn đến biết bao loại tội phạm khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4.2] Xét về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.4] Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội như trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Không chỉ giúp giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích và biết tuân thủ pháp luật mà còn răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội này trong xã hội. Tuy nhiên, căn cứ vào nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung đề nghị như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Ngoài hình phạt chính lẽ ra Hội đồng xét xử còn áp dụng khoản 5 điều 249 của Bộ luật Hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, do bị cáo là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, sau khi phạm tội đã bị tạm giam, không có điều kiện đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án gồm:

[6.1] Đối với 01 phong bì thư ký hiệu “QT” dán kín, niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự bên trong đựng số ma túy thu giữ hoàn lại sau giám định, đây là vật nhà nước cấm lưu hành và 01 vỏ bao thuốc lá Sài Gòn không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu huỷ là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6.2] Đối với 01 điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 7 plus; 01 ví da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân số 001083053022 mang tên NVS là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với bà TTC là người cho bị cáo S mượn xe đạp, nhưng bà Cạ không biết bị cáo sử dụng chiếc xe để tàng trữ ma túy nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Đối với người thanh niên bán ma túy cho bị cáo S và những người đi xe ôm chở bị cáo đi mua ma túy và đi về nhà: do bị cáo khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ được.

[9] Đối với chiếc xe đạp nhãn hiệu Asama màu S xám-đỏ-đen: đây là chiếc xe của anh NVC (con trai bà Cạ): Ngày 22/12/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe đạp trên cho anh Cương là phù hợp với khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

[11] Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, Điều 333, khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1, 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo NVS **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2022.

2. Vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì thư ký hiệu “QT” dán kín, niêm phong lại bằng hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BG hoàn lại sau giám định và 01 (một) vỏ bao thuốc lá Sài Gòn.

2.2. Trả lại bị cáo NVS: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 plus màu đỏ; 01 (một) ví da màu đen và 01 (một) thẻ căn cước công dân số 001083053022 mang tên NVS.

3. Án phí: Bị cáo NVS phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

NTTH